TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2026/HS-ST
Ngày: 10/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hồi

Bà Võ Thị Thanh Thu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Nhật Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2026/HS-ST ngày 26/02/2026 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC L; sinh năm 1973 tại TP Hồ Chí Minh; CCCD số: 079073012865 cấp ngày 14/02/2020 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số B ấp Đ, xã B, huyện H, TP Hồ Chí Minh (nay là xã B, TP Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: Phòng 6, Nhà trọ số 175, Quốc lộ B, ấp Đ, xã B, huyện H, TP Hồ Chí Minh (nay là xã B, TP Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị B; Anh chị em ruột 4 người, bị cáo là con thứ 3; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Năm 1988 bị Ủy ban nhân dân T ra Quyết định đưa đi cưỡng bức lao động tại Đồng Nai về hành vi gây rối trật tự công cộng, chấp hành xong ngày 10/9/1990.

+ Ngày 25/5/1992 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 304/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/1994.

+ Ngày 13/09/1994 bị Công an huyện H đưa đi Cưỡng bức lao động.

+ Ngày 24/04/1995 bị Công an huyện H đưa vào trường G do có hành vi trốn trường.

+ Ngày 29/8/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội "Cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy" theo Bản án số 1748/HSST.

+ Ngày 15/05/2010 bị Ủy ban nhân dân Thành phố T ra Quyết định đưa vào trường G, cơ sở giáo dục 24 tháng theo Quyết định số 2419/QĐUB.

+ Ngày 28/9/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 12, TP . ra Quyết định xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 24/01/2020.

Bị cáo bị bắt ngày 25/10/2024, bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực H - Trại tạm giam số 2, Công an T1. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức L nghiện ma túy nên mua ma túy về cất giấu để sử dụng cho bản thân. Ngày 22/10/2024, L đến khu vực tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh mua 1.000.000 đồng ma túy của đối tượng nam (không rõ lai lịch) và đem về cất giấu tại phòng số 6, nhà trọ số A, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào lúc 23 giờ 00 phút ngày 24/10/2024, Công an xã B kiểm tra hành chính phòng trọ của L, phát hiện trên nền gạch có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, đồng thời L tự lấy 02 gói nylon chứa tinh thể (ký hiệu mẫu m) cất giấu tại đèn để bàn giao nộp, Công an xã B tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và đưa về Nguyễn Đức L về trụ sở làm rõ.

Kết luận giám định số 12680/KL-KTHS ngày 02/11/2024 của Phòng K Công an Thành phố T1, xác định: Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 2,2654g, loại Methamphatamine.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T1, Nguyễn Đức L khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) gói niêm phong số vụ 3899/24 bên ngoài gói có dấu vân tay ghi tên Nguyễn Đức L, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) bình nhựa có gắn ống hút nhựa màu tím và 01 (một) ống thủy tinh cong (bên trong không chứa gì), 01 (một) bật lửa; 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO v2026 màu xanh, đã qua sử dụng (IMEI 1: 860671056995258; IMEI 2: 860671056995241) không liên quan đến việc phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 136/CT-VKSKV8 ngày 22/9/2025, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử bị cáo Nguyễn Đức L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả, đồng thời nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 4 (bốn) năm tù.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) gói niêm phong số vụ 3899/2024 bên ngoài gói có dấu vân tay ghi tên Nguyễn Đức L, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

- 01 (một) bình nhựa có gắn ống hút nhựa màu tím và 01 (một) ống thủy tinh cong (bên trong không chứa gì), 01 (một) bật lửa;

+ Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO v2026 màu xanh, đã qua sử dụng (IMEI 1: 860671056995258; IMEI 2: 860671056995241)

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Ngày 24/10/2024, tại Phòng 6, Nhà trọ số 175, ấp Đ, xã B, huyện H, TP Hồ Chí Minh (nay là xã B, TP Hồ Chí Minh) Nguyễn Đức L cất giấu 2,2654g ma túy ở thể rắn, loại Methaphetamin để sử dụng thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy mà là tàng trữ ma túy để sử dụng cho cá nhân bị cáo.

[2.2] Kết luận giám định số 12680/KL-KTHS ngày 02/11/2024 của Phòng K Công an T1 giám định chất ma túy, kết quả: Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 2,2654g, loại Methaphetamin.

[2.3] Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức L đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - TP Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo L theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[3] Ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm do Nhà nước thống nhất quản lý độc quyền. Mọi hành vi tàng trữ mua bán trái phép chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm, bản thân bị cáo L là người có đầy đủ năng lực hành vi và tự nhận thức được điều này nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã

hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, trước đây đã nhiều lần bị xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã có tiền án về các tội xâm phạm trật tự xã hội và tội liên quan đến ma túy. Mặc dù các bản án trước đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện, tiếp tục vi phạm pháp luật. Đây là yếu tố cần xem xét khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

[6.1] 01 (một) gói niêm phong số vụ 3899/2024 bên ngoài gói có dấu vân tay ghi tên Nguyễn Đức L, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) bình nhựa có gắn ống hút nhựa màu tím và 01 (một) ống thủy tinh cong (bên trong không chứa gì), 01 (một) bật lửa: Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy;

[6.2] 01 điện thoại di động 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO v2026 màu xanh, đã qua sử dụng (IMEI 1: 860671056995258; IMEI 2: 860671056995241): quá trình điều tra đã làm rõ không có liên quan đến hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

[7] Đối với đối tượng không rõ lai lịch đã bán ma túy cho bị cáo L, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024.

2. Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong số vụ 3899/2024 bên ngoài gói có dấu vân tay ghi tên Nguyễn Đức L, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bình nhựa có gắn ống hút nhựa màu tím và 01 (một) ống thủy tinh cong (bên trong không chứa gì), 01 (một) bật lửa;

Trả lại cho bị cáo L 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO v2026 màu xanh, đã qua sử dụng (IMEI 1: 860671056995258; IMEI 2: 860671056995241)

(Vật chứng được ghi theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14/4/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố T1 và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo L chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014):

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Sở Tư pháp TP HCM;
- VKSND KV8-TP HCM;
- PV06 - Công an TP HCM;
- Thi hành án dân sự TP HCM;
- Phòng THADS KV8 - TP HCM;
- Phân trại tạm giam khu vực Hóc Môn, Trại tạm giam số 2 - Công an TP HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh Như